

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 397/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1981; HKTT: thôn P, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Chị **Cao Thị T1**, sinh năm 1982; HKTT: thôn P, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội.

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nguyễn Văn T và chị Cao Thị T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1] Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Cao Thị T1 xác nhận có 02 (hai) con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 28/5/2003 và Nguyễn Vân A, sinh ngày 01/10/2004. Hai con chung đã đủ tuổi trưởng thành, sức khỏe bình thường, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.2] Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh T, chị T1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

[2.3] Về công nợ: Anh T, chị T1 xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

[2.4] Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn T chịu cả số tiền 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng anh T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng số BLTU/23/0005995 ngày 19/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Anh T được trả lại 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND H.Hoài Đức;
- Chi cục THADS H.Hoài Đức;
- UBND xã Đức Thượng, h.Hoài Đức,
TP.Hà Nội (GCNKH số 44, quyển số 2002,
ngày 18/9/2002);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Lan Anh